

Bản án số: 251/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 11 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nH dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nH dân huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Tuấn A, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Tân D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lưu Ngọc H, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp Tân Thành L, xã Tân Đ, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh Trịnh Tuấn A trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Anh Tuấn A và chị Ngọc H chung sống năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Tân Đ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Gia đình có hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không Th. Anh và chị H đã ly thân khoảng 1 năm nay. Nay anh Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Lưu Ngọc H.

Quá trình chung sống anh Tuấn A và chị H có 01 con chung tên Trịnh Gia Kh, sinh ngày 27/11/2019, đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Tuấn A đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh Tuấn A xác định không có.

* *Đối với chị Lưu Ngọc H:* Tòa án có tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của anh Tuấn A nhưng chị H không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Tuấn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Lưu Ngọc H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Anh Tuấn A và chị H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đ nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân khoảng 1 năm nay. Từ nguyên nhân trên, anh Tuấn A xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với H. Chị H không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn A.

Xét yêu cầu của anh Tuấn A, thấy rằng: Anh Tuấn A yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị H đều vắng mặt, thể hiện chị H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Tuấn A, cho anh Tuấn A ly hôn với chị H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Tuấn A thấy rằng: Cháu Trịnh Gia Kh, sinh ngày 27/11/2019, đang do chị H nuôi dưỡng, anh Tuấn A yêu cầu giao cháu Gia Kh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên chấp nhận yêu cầu của anh Tuấn A, giao Gia Kh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Do anh Tuấn A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Anh Tuấn A yêu cầu tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về các vấn đề khác: Anh Tuấn A xác định không có. Chị H không có ý kiến gì về các nội dung này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; khi có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Tuấn A phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Tuấn A.
 - Về hôn nhân: Cho anh Trịnh Tuấn A được ly hôn với chị Lưu Ngọc H.
 - Về con chung: Giao Trịnh Gia Kh, sinh ngày 27/11/2019 cho chị Lưu Ngọc H tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Trịnh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Tuấn A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013095 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (anh Tuấn A đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nH dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nH dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Huỳnh Ngọc Mai